

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Tổng Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 0600019436 ngày 26 tháng 7 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0600019436 ngày 26 tháng 7 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Duy Hạnh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
	Ông Ngô Quốc Nam	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Trần Ngọc Khanh	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Ngô Quốc Nam	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Ngọc Khanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Cường Lân	Giám đốc Điều hành
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên

Trụ sở đăng ký 43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ngô Quốc Nam
Tổng Giám đốc

Nam Định, 31-03-2015



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 31-12-2015, được trình bày từ trang 5 đến 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-239-e



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		509.487.465.052	457.043.898.262
Tiền	110	4	20.212.837.137	9.008.281.603
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.300.000.000	140.300.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	5	140.300.000.000	140.300.000.000
Các khoản phải thu	130	6	103.783.049.017	79.646.352.910
Phải thu khách hàng	131		92.104.185.857	66.134.472.279
Trả trước cho người bán	132		11.999.827.843	15.076.543.970
Phải thu khác	135		4.503.124.984	2.429.751.739
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(4.824.089.667)	(3.994.415.078)
Hàng tồn kho	140	7	237.586.069.461	218.895.010.855
Hàng tồn kho	141		245.120.990.506	223.251.925.672
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.534.921.045)	(4.356.914.817)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.605.509.437	9.194.252.894
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		285.367.555	178.945.320
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.365.909.049	8.416.257.513
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		3.124.577.671	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		829.655.162	599.050.061
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		325.315.283.292	318.140.799.390
Tài sản cố định	220		280.315.900.787	285.294.434.333
Tài sản cố định hữu hình	221	8	189.529.528.679	194.679.886.846
Nguyên giá	222		807.170.849.631	786.960.177.565
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(617.641.320.952)	(592.280.290.719)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		68.000.000	68.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.000.000)	(68.000.000)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	90.786.372.108	90.614.547.487
Bất động sản đầu tư	240	10	8.063.504.670	5.692.227.204
Nguyên giá	241		12.147.902.351	8.698.002.588
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.084.397.681)	(3.005.775.384)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		26.506.020.380	18.511.374.973
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	11	24.729.417.936	16.734.772.529
Đầu tư dài hạn khác	258		1.776.602.444	1.776.602.444
Tài sản dài hạn khác	260		10.429.857.455	8.642.762.880
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	8.821.898.479	8.253.826.227
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.607.958.976	388.936.653
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		834.802.748.344	775.184.697.652

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		672.620.352.484	607.175.149.495
Nợ ngắn hạn	310		527.200.913.039	420.815.896.717
Vay ngắn hạn	311	14	301.431.159.830	193.134.449.281
Phải trả người bán	312	15	114.935.295.814	142.254.161.998
Người mua trả tiền trước	313		1.669.530.001	1.045.299.512
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	4.828.988.528	3.344.090.866
Phải trả người lao động	315		30.731.066.896	19.540.895.417
Chi phí phải trả	316	17	4.294.368.905	4.858.718.955
Phải trả khác	319	18	67.180.339.890	55.815.710.214
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		2.130.163.175	822.570.474
Nợ dài hạn	330		145.419.439.445	186.359.252.778
Phải trả người bán	331	15	-	13.538.085.334
Vay dài hạn	334	19	145.419.439.445	172.821.167.444
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		147.191.555.161	152.870.473.733
Vốn chủ sở hữu	410	20	147.191.555.161	152.870.473.733
Vốn cổ phần	411	21	136.000.000.000	136.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	20	(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	12.282.194.458	9.901.863.778
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	5.371.874.298	4.139.464.150
(Lỗi lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối	420	20	(6.450.338.107)	2.841.321.293
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		14.990.840.699	15.139.074.424
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		834.802.748.344	775.184.697.652

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ - USD	35.970	17.134
Ngoại tệ - EUR	-	514

31 -03- 2015

Người lập:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Quốc Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	24	826.656.402.172	908.732.626.163
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.290.194.874	335.436.805
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	825.366.207.298	908.397.189.358
Giá vốn hàng bán	11	25	759.652.890.434	816.140.989.008
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		65.713.316.864	92.256.200.350
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	10.489.601.479	1.576.644.855
Chi phí tài chính	22	27	30.471.116.663	21.167.591.851
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		26.273.051.363	19.885.182.681
Chi phí bán hàng	24		16.737.680.892	17.484.265.084
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.396.917.767	25.443.264.618
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(7.402.796.979)	29.737.723.652
Thu nhập khác	31	28	34.022.084.366	2.069.764.430
Chi phí khác	32	29	10.809.359.977	949.307.710
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		23.212.724.389	1.120.456.720
Lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết	45	11	379.177.874	(330.437.772)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		16.189.105.284	30.527.742.600
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.484.367.642	8.019.269.358
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(1.219.022.323)	4.106.995.686
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.923.759.965	18.401.477.556
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		1.132.312.667	1.615.015.938
Chủ sở hữu của Tổng Công ty	62		12.791.447.298	16.786.461.618
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	941	1.234

Người lập: 31 -03- 2015



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ngô Quốc Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		16.189.105.284	30.527.742.600
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		30.656.920.950	24.583.712.325
Các khoản dự phòng	03		4.007.680.817	3.855.409.574
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		314.976.434	191.542.370
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(31.725.160.175)	(683.607.500)
Chi phí lãi vay	06		26.273.051.363	19.885.182.681
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		45.716.574.673	78.359.982.050
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(18.659.855.827)	(4.276.108.501)
Biến động hàng tồn kho	10		(21.869.064.834)	(44.466.744.650)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(15.988.827.357)	47.284.794.839
Biến động chi phí trả trước	12		(674.494.487)	5.763.375.576
			(11.475.667.832)	82.665.299.314
Tiền lãi vay đã trả	13		(26.194.469.281)	(20.258.615.388)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(7.997.517.015)	(8.231.456.877)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(842.471.468)	(1.115.558.218)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(46.510.125.596)	53.059.668.831
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(37.939.960.796)	(55.812.761.504)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		32.947.767.288	782.409.091
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(140.300.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		6.870.877.592	1.308.423.460
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.121.315.916)	(194.021.928.953)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		627.068.988.689	613.579.412.824
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(546.338.844.935)	(458.901.860.437)
Tiền trả cổ tức	36		(16.890.799.300)	(10.759.287.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		63.839.344.454	143.918.265.387
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		11.207.902.942	2.956.005.265
Tiền đầu năm	60		9.008.281.603	6.052.219.458
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		(3.347.408)	56.880
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	20.212.837.137	9.008.281.603

31 -03- 2015

Người lập:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Quốc Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất, gia công và kinh doanh: sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chăn, khăn cotton, quần áo may sẵn, giấy và các sản phẩm liên quan đến bì các tông;
- Kinh doanh vật tư, hóa chất, thuốc nhuộm, linh kiện điện tử viễn thông và phụ tùng dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, siêu thị, cho thuê văn phòng, nhà ở và các công trình phục vụ mục đích kinh doanh;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông vận tải, thủy lợi và cơ sở hạ tầng;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, cho thuê thiết bị xây dựng và lắp đặt thiết bị phục vụ các công trình xây dựng;
- Khai thác nước sạch phục vụ sản xuất và tiêu dùng công nghiệp;
- Xử lý nước thải và ô nhiễm môi trường;
- Đại lý vận tải, cung cấp dịch vụ kho bãi, cung cấp dịch vụ bốc dỡ hàng hóa và dịch vụ trông xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, du lịch lữ hành nội địa và các dịch vụ du lịch khác;
- Đào tạo nghề ngắn hạn (dưới 1 năm);
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông; và
- Kinh doanh hoạt động văn hóa thể thao: sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu thể thao, nhà biểu diễn văn nghệ và các hoạt động thể thao và giải trí khác.



Handwritten signature and red stamp on the right margin.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty được thành lập tại Việt Nam. Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết		
		31/12/2014	31/12/2013	
Công ty con				
1	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty CP Chỉ khâu Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi chỉ và bán buôn, bán lẻ chỉ khâu và phụ liệu may.	51,67%	51,67%
3	Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	88,19%	88,19%
4	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi và quần áo may sẵn.	82,00%	82,00%
5	Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	86,34%	86,34%
6	Công ty CP May III Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	80,57%	80,57%
7	Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	53,46%	53,46%
8	Công ty CP Dệt Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	90,88%	90,88%
9	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	78,65%	78,65%
10	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi và quần áo may sẵn.	86,88%	86,88%
Công ty liên kết				
1	Công ty CP May I Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	41,82%	41,82%
2	Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	30,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty và các công ty con có 3.506 nhân viên (31/12/2013: 3.728 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 50 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyên	6 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	50 năm
-----------	--------

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí thuê máy móc và thiết bị

Chi phí thuê máy móc và thiết bị gồm tiền thuê máy móc trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng máy móc thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê máy móc.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Tổng Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được Tổng công ty và các công ty con thực hiện và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá như là một phần của nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc xác định rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận phân chia theo hoạt động kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may bao gồm sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chăn, khăn cotton, quần áo may sẵn... và một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(t) Các bên liên quan

Một bên được coi là liên quan đến đơn vị lập báo cáo nếu:

- Trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian mà bên hoặc các bên đó: kiểm soát, hoặc bị kiểm soát, hoặc dưới quyền kiểm soát chung với đơn vị lập báo cáo (gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn); có lợi ích ở đơn vị lập báo cáo cho phép có ảnh hưởng đáng kể tới đơn vị lập báo cáo; hoặc có quyền đồng kiểm soát đối với đơn vị lập báo cáo (a);
- Bên đó là công ty liên kết (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 7, Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết) của đơn vị lập báo cáo (b);
- Bên đó là một liên doanh (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 8, Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh) trong đó đơn vị lập báo cáo là bên góp vốn liên doanh (c);
- Bên đó là một thành viên quản lý chủ chốt của đơn vị lập báo cáo hay của công ty mẹ của đơn vị lập báo cáo (d);
- Bên đó là một thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào (e) đã được nêu ở đoạn (a) hay (d); hoặc
- Bên đó là một đơn vị bị kiểm soát, bị đồng kiểm soát hay bị ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc một phần đáng kể quyền biểu quyết đối với đơn vị đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, thuộc quyền của bất kỳ các cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (d) hoặc (e).

4. Tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.632.685.822	1.365.844.216
Tiền gửi ngân hàng	18.580.151.315	7.642.437.387
	<hr/>	<hr/>
	20.212.837.137	9.008.281.603

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn với lãi suất 6,5% (2013: 6,5%) một năm tại một ngân hàng.

6. Các khoản phải thu

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	-	648.145.315
Phi thương mại	1.971.914.673	375.825.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Phải thu khác gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	341.275.000	375.825.000
Phải thu tiền lãi	1.630.639.673	-
Phải thu khác	2.531.210.311	2.053.926.739
	<hr/> 4.503.124.984	<hr/> 2.429.751.739

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi trên đường	825.550.510	23.408.362.640
Nguyên vật liệu	55.782.173.870	32.998.311.241
Công cụ và dụng cụ	196.803.561	242.675.733
Sản phẩm dở dang	61.041.806.641	56.611.719.098
Thành phẩm	92.762.635.394	84.873.406.614
Hàng hóa	34.453.786.865	24.899.228.228
Hàng gửi đi bán	58.233.665	218.222.118
	<hr/> 245.120.990.506	<hr/> 223.251.925.672
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.534.921.045)	(4.356.914.817)
	<hr/> 237.586.069.461	<hr/> 218.895.010.855

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	4.356.914.817	1.391.201.609
Tăng dự phòng trong năm	3.830.185.947	4.166.327.511
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(652.179.719)	(1.200.614.303)
	<hr/> 7.534.921.045	<hr/> 4.356.914.817

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 37.214 triệu VND hàng thành phẩm (31/12/2013: 17.681 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	110.263.130.265	1.686.320.128	663.627.323.264	11.383.403.908	786.960.177.565
Tăng trong năm	114.607.687	-	541.573.232	-	656.180.919
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	10.264.559.775	-	14.527.194.327	2.596.371.818	27.388.125.920
Thanh lý	(167.543.200)	-	(3.371.966.663)	-	(3.539.509.863)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.572.187.945)	-	-	-	(2.572.187.945)
Xóa sổ	(1.671.343.720)	-	-	-	(1.671.343.720)
Phân loại lại	105.415.715	-	(105.415.715)	-	-
Biến động khác	-	-	(50.593.245)	-	(50.593.245)
Số dư cuối năm	116.336.638.577	1.686.320.128	675.168.115.200	13.979.775.726	807.170.849.631
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	65.759.167.281	1.503.963.831	517.420.059.818	7.597.099.789	592.280.290.719
Khấu hao trong năm	3.524.245.466	60.514.802	25.634.373.863	1.095.608.407	30.314.742.538
Thanh lý	(167.543.200)	-	(2.442.461.015)	-	(2.610.004.215)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(736.443.885)	-	-	-	(736.443.885)
Xóa sổ	(1.556.670.960)	-	-	-	(1.556.670.960)
Biến động khác	-	-	(50.593.245)	-	(50.593.245)
Số dư cuối năm	66.822.754.702	1.564.478.633	540.561.379.421	8.692.708.196	617.641.320.952
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	44.503.962.984	182.356.297	146.207.263.446	3.786.304.119	194.679.886.846
Số dư cuối năm	49.513.883.875	121.841.495	134.606.735.779	5.287.067.530	189.529.528.679

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 306.231 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 268.252 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 112.135 triệu VND (31/12/2013: 95.445 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	90.614.547.487	61.992.421.583
Tăng trong năm	36.406.068.059	53.276.657.221
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(480.235.234)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(27.388.125.920)	(24.174.296.083)
Thanh lý	(8.645.395.970)	-
Biến động khác	(200.721.548)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	90.786.372.108	90.614.547.487

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Xây dựng nhà máy Nhuộm và nhà máy Động Lực	50.325.869.201	20.052.110.206
Xây dựng nhà máy Xử lý nước thải	17.929.766.685	17.748.671.169
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu công nghiệp Hoà xá	18.329.264.068	40.595.656.176
Khác	4.201.472.154	12.218.109.936
	<hr/>	<hr/>
	90.786.372.108	90.614.547.487

Trong năm, chi phí vay được vốn hoá vào xây dựng cơ bản dở dang là 181 triệu VND (2013: 273 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	8.698.002.588
Tăng trong năm	877.711.818
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	2.572.187.945
Số dư cuối năm	12.147.902.351
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.005.775.384
Khấu hao trong năm	342.178.412
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	736.443.885
Số dư cuối năm	4.084.397.681
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.692.227.204
Số dư cuối năm	8.063.504.670

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

11. Đầu tư vào các công ty liên kết

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty CP May I Dệt May Nam Định	3.422.034.606	3.346.399.482
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	21.307.383.330	13.388.373.047
	24.729.417.936	16.734.772.529

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	16.734.772.529	17.406.872.580
Tăng trong năm	8.000.000.000	-
Lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết	379.177.874	(330.437.772)
Cổ tức nhận được từ các công ty liên kết	(339.070.957)	(301.125.000)
Biến động khác	(45.461.510)	(40.537.279)
Số dư cuối năm	24.729.417.936	16.734.772.529

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê máy móc và thiết bị VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	6.851.644.618	1.402.181.609	8.253.826.227
Tăng trong năm	7.171.442.819	407.500.000	7.578.942.819
Phân bổ trong năm	(6.641.765.319)	(369.105.248)	(7.010.870.567)
Số dư cuối năm	7.381.322.118	1.440.576.361	8.821.898.479

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu được ghi nhận trên lợi nhuận chưa thực hiện từ hoạt động mua bán tài sản cố định và hàng hóa giữa Tổng công ty và các công ty con.

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	271.075.731.830	171.046.088.811
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	30.355.428.000	22.088.360.470
	301.431.159.830	193.134.449.281

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngân hàng 1	VND	6,5% - 12%	61.067.154.273	35.936.005.768
Vay ngân hàng 2	USD	3% - 4%	96.063.076.409	44.020.609.907
Một bên liên quan	VND	7,5% - 11%	94.902.244.095	73.513.186.898
Các cá nhân	VND	6% - 7%	19.043.257.053	17.576.286.238
			<hr/>	<hr/>
			271.075.731.830	171.046.088.811

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị còn lại là 80.512 triệu VND (31/12/2013: 76.763 triệu VND).

Các khoản vay từ bên liên quan và các cá nhân không được đảm bảo.

15. Phải trả người bán

Phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả các công ty liên quan - thương mại	41.535.770.561	46.352.443.184

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.671.377.774	725.521.952
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.034.963.938	2.423.535.640
Các loại thuế khác	122.646.816	195.033.274
	<hr/>	<hr/>
	4.828.988.528	3.344.090.866

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	521.003.135	442.421.053
Phí giải phóng mặt bằng (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Chi phí khác	773.365.770	1.416.297.902
	4.294.368.905	4.858.718.955

(*) Phí giải phóng mặt bằng phản ánh số tiền còn lại phải trả cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Nam Định liên quan đến diện tích đất thuê cho nhà máy mới của Tổng Công ty tại Khu công nghiệp Hòa Xá.

18. Phải trả khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	7.029.913.069	5.728.941.679
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	54.477.154.476	46.477.154.476
Cổ tức phải trả	695.034.100	-
Phải trả khác	4.978.238.245	3.609.614.059
	67.180.339.890	55.815.710.214

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

19. Vay dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	175.774.867.445	194.909.527.914
Hoàn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 14)	(30.355.428.000)	(22.088.360.470)
Hoàn trả sau 12 tháng	145.419.439.445	172.821.167.444

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay từ ngân hàng 1	EUR	0%		-	5.732.932.470
Vay từ ngân hàng 2	VND	0%	2016	8.400.000.000	12.600.000.000
Vay từ ngân hàng 3	VND	0%	2016	20.640.000.000	30.960.000.000
Vay từ ngân hàng 4	VND	3,6%	2016	3.778.860.000	5.614.288.000
Vay từ ngân hàng 5	VND	7,7%	2025	140.000.000.000	140.000.000.000
Vay từ ngân hàng 6	VND	12%	2018	2.586.500.001	-
Vay từ ngân hàng 7	VND	11%	2019	367.200.000	-
Khoản vay khác	VND	0%		2.307.444	2.307.444
				175.774.867.445	194.909.527.914

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng công ty và các công ty con với giá trị còn lại là 31.623 triệu VND (31/12/2013: 18.682 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	136.000.000.000	(12.175.488)	7.622.707.227	3.321.998.405	118.948.648	147.051.478.792
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	16.786.461.618	16.786.461.618
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.146.442.699	907.697.133	(3.054.139.832)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(1.322.053.099)	(1.322.053.099)
Cổ tức	-	-	-	-	(9.520.000.000)	(9.520.000.000)
Biến động khác	-	-	132.713.852	(90.231.388)	(167.896.042)	(125.413.578)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	136.000.000.000	(12.175.488)	9.901.863.778	4.139.464.150	2.841.321.293	152.870.473.733
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	12.791.447.298	12.791.447.298
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.277.004.718	1.270.684.266	(3.547.688.984)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(2.018.650.777)	(2.018.650.777)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(16.320.000.000)	(16.320.000.000)
Biến động khác	-	-	103.325.962	(38.274.118)	(196.766.937)	(131.715.093)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	136.000.000.000	(12.175.488)	12.282.194.458	5.371.874.298	(6.450.338.107)	147.191.555.161

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Theo Điều lệ của Tổng Công ty và các công ty con, hàng năm Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

23. Cổ tức

Ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 16.320 triệu VND cho các cổ đông.

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	735.892.819.724	843.246.531.429
▪ Cung cấp dịch vụ	14.869.528.301	34.367.326.360
▪ Dịch vụ gia công	75.040.357.940	30.305.831.975
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	853.696.207	812.936.399
	826.656.402.172	908.732.626.163
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(1.210.680.527)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(79.514.347)	(335.436.805)
Doanh thu thuần	825.366.207.298	908.397.189.358

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Giá vốn hàng bán

	2014 VND	2013 VND
Thành phẩm đã bán	708.516.050.863	768.849.213.332
Dịch vụ đã cung ứng	5.367.677.179	29.376.164.195
Dịch vụ gia công	42.361.526.249	14.719.091.370
Bất động sản đầu tư cho thuê	229.629.915	230.806.903
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.178.006.228	2.965.713.208
	<hr/> 759.652.890.434	<hr/> 816.140.989.008

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	8.271.470.222	98.891.571
Cổ tức	195.497.043	249.640.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.997.315.271	1.228.112.484
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.806.643	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.512.300	-
	<hr/> 10.489.601.479	<hr/> 1.576.644.855

27. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	26.273.051.363	19.885.182.681
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.998.172.073	1.012.810.931
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	319.783.077	191.542.370
Chi phí tài chính khác	1.880.110.150	78.055.869
	<hr/> 30.471.116.663	<hr/> 21.167.591.851

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Tiền thu từ thanh lý chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình	32.947.767.288	782.409.091
Tiền bồi thường nhận được	191.961.831	-
Các khoản thu nhập khác	882.355.247	1.287.355.339
	34.022.084.366	2.069.764.430

29. Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã thanh lý	8.645.395.970	116.896.190
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý và xóa sổ	1.044.178.408	-
Chi phí khác	1.119.785.599	832.411.520
	10.809.359.977	949.307.710

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.467.381.269	8.019.269.358
Dự phòng thiếu trong những năm trước	16.986.373	-
	3.484.367.642	8.019.269.358
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.219.022.323)	4.106.995.686
	2.265.345.319	12.126.265.044

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	16.189.105.284	30.527.742.600
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	3.561.603.162	7.631.935.650
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	(33.122.031)	53.036.816
Ưu đãi thuế	-	(137.930.135)
Chi phí không được khấu trừ thuế	360.208.546	145.700.574
Thu nhập không bị tính thuế	(125.611.869)	(62.410.200)
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.514.718.862)	4.495.932.339
Dự phòng thiếu trong những năm trước	16.986.373	-
	2.265.345.319	12.126.265.044

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016 (2013: 25%).

Các công ty con của Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất được quy định theo luật thuế hiện hành.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (tử số) là 12.791 triệu VND (2013: 16.786 triệu VND) và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (mẫu số) là 13.600.000 cổ phiếu (2013: 13.600.000 cổ phiếu).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty và các công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty và các công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	18.580.151.315	7.642.437.387
Đầu tư tài chính ngắn hạn	(i)	140.300.000.000	140.300.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	91.783.221.174	64.569.808.940
		<hr/>	<hr/>
		250.663.372.489	212.512.246.327

(i) Tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty và các công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Để đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty và các công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 7 đến 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn sẽ được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tổng Công ty và các công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	3.994.415.078	3.104.718.712
Tăng dự phòng trong năm	967.647.482	2.574.290.716
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(137.972.893)	(1.684.594.350)
Số dư cuối năm	4.824.089.667	3.994.415.078

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tổng Công ty và các công ty con không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chưa quá hạn	10.948.371.188	34.886.908.870
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	20.838.102.501	11.229.817.822
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	55.681.417.131	11.360.719.592
Quá hạn trên 180 ngày	9.139.420.021	11.086.777.734
	96.607.310.841	68.564.224.018

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty và các công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty và các công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty và các công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Phải trả người bán và phải trả khác	179.380	179.380	179.380	-	-	-
Vay ngắn hạn	271.076	278.276	278.276	-	-	-
Vay dài hạn	175.775	227.485	42.795	39.115	61.843	83.732
	626.231	685.141	500.451	39.115	61.843	83.732
Ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Phải trả người bán và phải trả khác	210.738	210.738	197.200	13.538	-	-
Vay ngắn hạn	171.046	173.042	173.042	-	-	-
Vay dài hạn	194.910	208.695	33.693	68.853	42.718	63.431
	576.694	592.475	403.935	82.391	42.718	63.431

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty và các công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”) và Euro (“EUR”).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014	31/12/2013	
	USD	USD	EUR
Tiền	35.970	17.134	514
Phải thu khách hàng	568.866	1.131.776	-
Phải trả người bán	(775.283)	(3.384.816)	-
Vay ngắn hạn	(4.521.466)	(2.092.632)	-
Vay dài hạn	-	-	(199.860)
	(4.691.913)	(4.328.538)	(199.346)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
USD/VND	21.246	21.036
EUR/VND	Không áp dụng	28.685

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần hợp nhất sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần hợp nhất VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
USD (mạnh thêm 1% so với VND)	(777.538.192)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	(1.365.826.881)
EUR (mạnh thêm 2% so với VND)	(85.773.600)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty và các công ty con như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định:		
Tiền gửi ngân hàng	18.580.151.315	7.642.437.387
Đầu tư tài chính ngắn hạn	140.300.000.000	140.300.000.000
Vay ngắn hạn và dài hạn	(306.850.599.275)	(225.955.616.725)
Phải trả người bán dài hạn	-	(13.538.085.334)
	<hr/>	<hr/>
	(147.970.447.960)	(91.551.264.672)
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Vay dài hạn	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 1.092 triệu VND lợi nhuận thuần hợp nhất (2013: 1.050 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền	20.213	20.213	9.008	9.008
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	140.300	140.300	140.300	140.300
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.783	91.783	64.570	64.570
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	26.506	(*)	18.511	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác – ngắn hạn	(179.380)	(179.380)	(197.200)	(197.200)
- Các khoản vay	(446.851)	(*)	(365.956)	(*)
- Phải trả người bán và phải trả khác – dài hạn	-	(*)	(13.538)	(*)
	(347.429)		(344.305)	

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh

Giá trị hợp lý của tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Công ty mẹ – Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Tiền thu từ thanh lý chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30.575.311.415	-
Bán dịch vụ	134.219.304	-
Mua hàng hóa	100.000.000	-
Chi phí lãi vay	381.798.334	-
Các công ty liên quan		
Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May		
Bán hàng hóa	11.292.149.690	24.250.240.964
Mua hàng hóa	33.618.174.460	58.691.445.874
Chi phí lãi vay	4.915.683.583	5.822.809.055
Công ty CP Bông miền Bắc		
Mua hàng hóa	-	3.500.441.270
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Góp vốn	8.000.000.000	-
Cổ tức nhận được	339.070.957	330.437.772
Công ty Tài chính CP Dệt May Việt Nam		
Vay ngắn hạn	120.121.247.262	14.748.000.000
Chi phí lãi vay	4.882.140.335	5.307.561.535
Công ty CP Bất động sản Vinatex		
Mua hàng hóa	-	5.254.589.537
Công ty TNHH Dệt 8/3 Hà Nội		
Mua hàng hóa	-	163.545.809

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Cam kết vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	280.100.000.000	203.478.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	4.407.000.000
	280.100.000.000	207.885.000.000

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và kinh doanh	399.662.110.468	516.657.936.054
Chi phí nhân công	187.411.535.970	179.619.230.012
Chi phí khấu hao	30.656.920.950	24.583.712.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.388.632.173	142.257.501.449
Chi phí khác	42.954.403.025	31.124.727.628

31 -03- 2015

Người lập:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Quốc Nam
Tổng Giám đốc